

HAI MƯƠI NĂM PHÁT TRIỂN CỦA LUẬT KINH TẾ⁽¹⁾ NHÌN DƯỚI GIÁC ĐỘ PHƯƠNG PHÁP LUẬN

TS. NGUYỄN VIỆT TÝ*

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng năm 1986, toàn Đảng, toàn dân bắt tay tiến hành công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã ghi nhận: *"Thực chất của đổi mới về cơ chế quản lý kinh tế là cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh XHCN, dùng nguyên tắc tập trung dân chủ"*.⁽²⁾ Cùng với việc khẳng định bản chất của việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, Văn kiện Đại hội cũng đã xác định hai đặc trưng cơ bản của cơ chế mới là *"tính kế hoạch-đặc trưng thứ nhất", "sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá tiền tệ - đặc trưng thứ hai"*.⁽³⁾

1. Những thay đổi cơ bản về đối tượng, chủ thể và phương pháp điều chỉnh của luật kinh tế

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã làm thay đổi cơ bản tính chất của các quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình kinh doanh. Điều này cũng đưa đến yêu cầu tất yếu phải có sự thay đổi trong luật kinh tế cho phù hợp với thực tế khách quan.

Về thực chất, luật kinh tế trong giai đoạn này vẫn được hiểu là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, điều chỉnh những quan hệ kinh

tế phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp hoặc giữa chúng với cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của đất nước.

Như vậy, thoảng nhìn phạm vi điều chỉnh của luật kinh tế, so với trước đây hầu như không có sự thay đổi, vẫn là những quan hệ phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Song quá trình kinh doanh trong giai đoạn này có những thay đổi về chủ thể lẫn phương thức kinh doanh, cho nên các quan hệ trong quá trình này cũng có những sự thay đổi cơ bản. Hay nói cách khác, đối tượng điều chỉnh của luật kinh tế có nhiều thay đổi so với trước đây.

Trước hết, bản về những quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Quan hệ trong quá trình sản xuất kinh doanh là những quan hệ tài sản giữa các doanh nghiệp, được phát sinh chủ yếu thông qua các hợp đồng kinh tế. Những quan hệ này khác với những quan hệ cùng loại do luật kinh tế điều chỉnh trước đây ở những điểm sau:

Thứ nhất, về tính chất, nếu như trước

* Giảng viên chính Khoa pháp luật kinh tế Trường Đại học Luật Hà Nội

đây các học giả cho rằng, là quan hệ pháp luật kinh tế, quan hệ trong quá trình sản xuất kinh doanh có đặc điểm quan trọng là trong quan hệ đó có sự kết hợp hài hoà giữa hai yếu tố: yếu tố tài sản và yếu tố tổ chức - kế hoạch thì hiện nay trong các quan hệ này yếu tố tổ chức kế hoạch thể hiện không rõ nét (trừ một số ít các quan hệ tài sản có liên quan mật thiết với kế hoạch pháp lệnh). Cũng chính vì vậy mà các bên tham gia quan hệ này được tự do và bình đẳng hơn.

Thứ hai, về chủ thể, trước đây kinh doanh chủ yếu do các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể tiến hành cho nên chủ thể chủ yếu của các quan hệ trong quá trình sản xuất kinh doanh là các tổ chức XHCN. Hiện nay, tham gia vào lĩnh vực kinh doanh không chỉ các đơn vị thuộc thành phần kinh tế quốc doanh và thành phần kinh tế tập thể mà còn các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế khác. Cho nên, phạm vi chủ thể tham gia các quan hệ kinh tế trong quá trình sản xuất kinh doanh được mở rộng đáng kể. Có thể nói chủ thể của các quan hệ này bao gồm các đơn vị thuộc bất cứ thành phần kinh tế nào miễn là có đủ các điều kiện của chủ thể kinh doanh.

Cũng cần lưu ý, các quan hệ tài sản do luật kinh tế điều chỉnh hiện nay tuy có những điểm khác với những quan hệ tài sản do luật kinh tế điều chỉnh trước đây song nó vẫn là một loại quan hệ pháp luật kinh tế và có những điểm khác biệt với quan hệ tài sản trong luật dân sự. Điều đó được thể hiện ở chỗ quan hệ tài sản trong luật dân sự được

hình thành do nhu cầu tiêu dùng của cá nhân và bị chi phối bởi nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, quan hệ tài sản trong luật kinh tế được hình thành do nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Hơn nữa, do bị chi phối bởi nhu cầu của sản xuất kinh doanh cho nên ngoài sự tác động của thị trường, quan hệ kinh tế này còn chịu sự quản lý của Nhà nước. Vì vậy, trong một số quan hệ kinh tế cụ thể do luật kinh tế điều chỉnh ngoài yếu tố tài sản còn có yếu tố tổ chức - kế hoạch. Tuy nhiên, mức độ thể hiện của yếu tố tổ chức - kế hoạch trong các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh rõ nét hay không tùy thuộc vào mức độ tác động của Nhà nước đối với các quan hệ đó. Trong các quan hệ kinh tế giữa các đơn vị kinh tế nhằm thực hiện chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước thì yếu tố tổ chức - kế hoạch thể hiện một cách trực tiếp. Ý chí của các chủ thể tham gia các quan hệ này bị hạn chế đáng kể bởi ý chí của Nhà nước. Còn trong các quan hệ kinh tế giữa các đơn vị kinh tế mà một bên hoặc cả hai bên không được giao kế hoạch pháp lệnh thì yếu tố tổ chức - kế hoạch thể hiện một cách gián tiếp thông qua sự quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế.

Thứ ba, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế không chỉ làm thay đổi tính chất các quan hệ kinh tế theo chiều ngang mà còn làm thay đổi lớn tính chất các quan hệ theo chiều dọc - quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế với các đơn vị kinh tế

cơ sở. Nếu như trước đây trong quan hệ kinh tế này quyền và nghĩa vụ của các bên không có sự phân định rõ ràng, cơ quan quản lý thường can thiệp sâu vào các hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị kinh tế cơ sở như quyết định kế hoạch của các đơn vị kinh tế cơ sở, định đoạt tài sản của các đơn vị kinh tế v.v. thì hiện nay, quyền và nghĩa vụ của các bên được phân định khá rõ ràng. Cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế không được quyền can thiệp vào các hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị kinh tế cơ sở mà chỉ tạo những môi trường pháp lý thuận lợi cho các đơn vị kinh tế thực hiện quyền chủ động sản xuất kinh doanh. Như vậy có thể khẳng định, trong nội dung của các quan hệ kinh tế theo chiều dọc, quyền và nghĩa vụ của cơ quan quản lý bị hạn chế, còn quyền và nghĩa vụ của các đơn vị kinh tế được mở rộng đáng kể. Mặt khác, ngoài các đơn vị kinh tế thuộc thành phần kinh tế quốc doanh và thành phần kinh tế tập thể, tham gia quá trình kinh doanh còn có các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, cho nên hoạt động quản lý của các cơ quan quản lý không chỉ đối với các đơn vị thuộc thành phần kinh tế quốc doanh mà còn đối với các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế khác. Hay nói cách khác, đối tượng quản lý được mở rộng hơn so với trước đây. Mặc dù so với trước, các quan hệ kinh tế giữa các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế với các đơn vị kinh tế cơ sở có những thay đổi song các quan hệ đó vẫn là đối tượng điều chỉnh của luật kinh tế. Bởi vì, các quan hệ đó là

những quan hệ phát sinh trong quá trình kinh doanh XHCN, có mối liên quan mật thiết với các quan hệ tài sản giữa các đơn vị kinh tế cơ sở.

Thứ tư, do tính chất của các quan hệ kinh tế thay đổi, cho nên việc sử dụng các phương pháp điều chỉnh của luật kinh tế cũng có những điểm khác so với trước đây. Nếu như trước đây, luật kinh tế chủ yếu sử dụng phối hợp phương pháp mệnh lệnh và phương pháp thoả thuận thì hiện nay luật kinh tế sử dụng phối hợp phương pháp thoả thuận với phương pháp gợi ý hướng dẫn.

2. Sự phát triển toàn diện trong nội dung của luật kinh tế

Quan hệ kinh tế thay đổi, đòi hỏi pháp luật kinh tế cũng phải thay đổi theo. Nội dung của luật kinh tế trong giai đoạn đổi mới cơ chế quản lý kinh tế có những thay đổi đáng kể. Những thay đổi lớn trong nội dung của luật kinh tế tập trung vào ba điểm chính sau:

Một là, thực chất của đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là xoá bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh cho các đơn vị kinh tế cơ sở. Để đáp ứng yêu cầu của cơ chế quản lý kinh tế mới, Nhà nước ta đã ban hành hàng loạt văn bản pháp luật kinh tế mới thay thế cho những văn bản pháp luật trước đây:

Văn bản đầu tiên phải kể đến đó là Quyết định số 217/HĐBT ngày 14/11/1987. Mặc dù, đến nay Quyết định đó bộc lộ những thiếu sót nhất định song có thể đánh giá đây là một văn bản quan trọng, có ý nghĩa to lớn trong đổi mới cơ chế quản lý

kinh tế như là một "quả bom" có sức công phá lớn làm tan rã cơ chế quản lý quan liêu bao cấp. Cùng với Quyết định số 217/HĐBT có những văn bản pháp luật khác cũng ra đời như: Nghị định số 50/HĐBT ngày 22/3/1988 ban hành Điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, Nghị định số 27/HĐBT ngày 22/3/1989 ban hành Điều lệ liên hiệp các xí nghiệp. Nội dung của các văn bản trên tập trung xác định lại địa vị pháp lý của các đơn vị kinh tế cơ sở (các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp), bằng cách mở rộng quyền và nghĩa vụ của chúng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động. Chính vì vậy, địa vị pháp lý của các đơn vị kinh tế quốc doanh (doanh nghiệp nhà nước) hoàn toàn khác với địa vị pháp lý của chúng trong thời kì bao cấp.

Đặc biệt, thực hiện đường lối phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, có sự điều tiết của Nhà nước, theo theo định hướng XHCN,⁽⁴⁾ để tạo môi trường pháp lý cho cho các nhà đầu tư tư nhân tham gia hoạt động kinh doanh, ngày 21/12/1990, Luật doanh nghiệp tư nhân và Luật công ti được ban hành. Bằng hai đạo luật đó, Nhà nước đã bảo hộ và thừa nhận doanh nghiệp tư nhân và công ti là những chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế, bên cạnh các chủ thể kinh doanh truyền thống trước đó (doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã); thừa nhận nguyên tắc tự do kinh doanh và bình đẳng trong kinh doanh.

Bàn về sự phát triển của luật kinh tế

trong giai đoạn này, không thể không nhắc tới vai trò của Hiến pháp năm 1992. Cùng với việc xác định rõ định hướng cũng như mục đích xây dựng nền kinh tế của đất nước; xác định rõ chế độ sở hữu nhà nước; công nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế; ghi nhận các biện pháp khuyến khích và bảo hộ đầu tư; cũng như xác định rõ các công cụ quản lý kinh tế cũng như quy định nguyên tắc xử lý những vi phạm trong kinh doanh v.v.. Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) đã ghi nhận 2 nguyên tắc cơ bản trong kinh doanh, đó là: tự do kinh doanh và bình đẳng giữa trong kinh doanh.⁽⁵⁾

Như vậy, tự do kinh doanh và bình đẳng trong hoạt động kinh doanh đã trở thành các nguyên tắc hiến định và để cụ thể hoá những tư tưởng chỉ đạo đó của Hiến pháp, Nhà nước ta đã ban hành một loạt văn bản pháp luật quan trọng, đó là: Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993 Luật doanh nghiệp nhà nước năm 1995, Luật hợp tác xã năm 1996, Luật doanh nghiệp năm 1999, Luật thương mại năm 1997. Với những văn bản đó, các nguyên tắc cơ bản trong kinh doanh như: Tự do kinh doanh, bình đẳng trong kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh v.v. được xác lập; địa vị pháp lý của các loại doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường ở nước ta cũng được xác định rõ ràng, quyền và nghĩa vụ của chúng cũng được ghi nhận một cách đầy đủ. Tuy nhiên, trong khoảng 10 năm tồn tại các văn bản pháp luật trên đã bộc lộ những hạn chế nhất định. Để khắc phục những hạn chế các văn bản pháp luật đó, phản ánh đúng đắn các quan đầy đủ,

đồng dẫn các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở nước ta trong xu thế hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, các văn bản luật kể trên được sửa đổi bổ sung và hoàn thiện bằng một loạt các văn bản mới, đó là: Luật phá sản doanh nghiệp năm 2004, Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003, Luật hợp tác xã năm 2003, Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật thương mại năm 2005, Luật đầu tư năm 2005. Với hệ thống các quy định trong các văn bản pháp luật này, luật kinh tế (phần về chủ thể kinh doanh) đã đạt đến tầm cao của sự phát triển, tương thích với luật thương mại (phần về thương nhân hay thương gia) của các nước trên thế giới.

Hai là, trong kinh doanh, dù ở bất kỳ giai đoạn nào, giữa các tổ chức kinh tế (doanh nghiệp) bao giờ cũng có những mối quan hệ kinh tế với nhau và các mối quan hệ đó được hình thành trên cơ sở hợp đồng kinh tế. Hợp đồng kinh tế là hình thức thể hiện của các hành vi kinh doanh. Cho nên trong nội dung của luật kinh tế ở giai đoạn đổi mới, khi chưa có chế định cụ thể ghi nhận các hành vi kinh doanh (hành vi thương mại)⁽⁶⁾ thì chế độ hợp đồng kinh tế là một chế định quan trọng đó. Tuy nhiên, tính chất của quan hệ hợp đồng kinh tế trước đây khác tính chất của quan hệ hợp đồng kinh tế hiện nay. Do đó, pháp luật về hợp đồng kinh tế trong giai đoạn đổi mới về cơ bản khác với pháp luật về hợp đồng kinh tế trước đây. Có thể khẳng định, mặc dù tên của chế định hợp đồng kinh tế không có thay đổi nhưng nội dung của những quy định trong chế định đó hoàn toàn khác so

với những quy định trong nội dung của chế định hợp đồng kinh tế trước đây.

Trong nền kinh tế thị trường các quan hệ tài sản trong dân sự và trong thương sự về cơ bản là giống nhau. Chính vì vậy, khi còn tồn tại cái gọi là "pháp luật hợp đồng kinh tế" và "pháp luật hợp đồng dân sự", nhiều quy định trong chế độ hợp đồng kinh tế gần giống những quy định trong pháp luật hợp đồng dân sự. Thực tế đó, đòi hỏi cần có sự giải quyết đồng nhất về phương diện lý luận để nâng cao hiệu quả của việc điều chỉnh bằng pháp luật các quan hệ hợp đồng. Bộ luật dân sự năm 2005, Luật thương mại năm 2005 và các văn bản luật khác về các lĩnh vực kinh doanh cụ thể, về cơ bản đã giải quyết được sự mâu thuẫn, chông chéo trong hệ thống pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng.

Sự ra đời của Bộ luật dân sự năm 2005, Luật thương mại năm 2005 và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác đã đưa luật kinh tế đến một sự phát triển mới về chất. Nếu như trước đây, chế định hợp đồng kinh tế được coi là một bộ phận của luật kinh tế ghi nhận hình thức (hợp đồng) của các hành vi kinh doanh (hành vi thương mại) thì nay thay vào đó là bộ phận quy định pháp luật ghi nhận không chỉ về hình thức của hành vi thương mại (quy định các loại hợp đồng cụ thể trong hoạt động kinh doanh) mà còn quy định về hành vi kinh doanh, các loại hành vi kinh doanh cụ thể cũng như cách thức tiến hành các hành vi đó. Ở đây đã thể hiện được sự tương thích của luật kinh tế nước ta với luật thương mại của các nước

trên thế giới.

Cùng với những thay đổi trong chế độ hợp đồng kinh tế, những quy định của pháp luật về tài phán kinh tế cũng có những thay đổi lớn. Đó là những thay đổi về hình thức giải quyết tranh chấp kinh tế, về các cơ quan giải quyết tranh chấp, về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan đó cũng như những nguyên tắc thẩm quyền và trình tự giải quyết các tranh chấp hợp đồng kinh tế.

Ba là, trong cơ chế bao cấp, những quy định của pháp luật về kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân và hạch toán kinh tế là một bộ phận chủ yếu trong nội dung của luật kinh tế. Trong giai đoạn đổi mới những quy định của pháp luật về những vấn đề trên có những thay đổi lớn nhưng ở chừng mực nhất định nào đó cũng chỉ có thể áp dụng đối với một số doanh nghiệp nhà nước, còn đối với phần lớn các doanh nghiệp nhà nước khác hoặc các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác thì không còn phù hợp nữa. Trong khi đó, những quy định cụ thể để đảm bảo cho Nhà nước tiến hành kế hoạch hoá ở tầm vĩ mô thì chưa được ban hành. Chính vì vậy, trong nội dung của luật kinh tế, chế độ pháp lý về kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân và về hạch toán kinh tế không còn giữ vị trí chủ yếu như trước đây mà nó chỉ còn là bộ phận nhỏ trong hệ thống các chế định của luật kinh tế mà thôi.

Bên cạnh đó, có những chế định mới chưa hề được biết đến trong thời kì bao cấp được hình thành, chẳng hạn như chế định pháp luật về phá sản doanh nghiệp, chế định pháp luật về cạnh tranh v.v..

Tóm lại, đổi mới cơ chế quản lí và sau đó là quá xây dựng nền kinh tế thị trường ở nước ta đã làm thay đổi cơ bản các quan hệ trong kinh doanh. Phản ánh đầy đủ hơn sự thay đổi của các quan hệ trong kinh doanh cũng như phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, nội dung của luật kinh tế có sự phát triển vượt bậc về cả những chế định (chế độ pháp lí) lẫn từng quy định cụ thể. Các quy định trong nội dung của luật kinh tế, về cơ bản đã được ghi nhận trong các văn bản có hiệu lực pháp lí cao (các văn bản luật). Tuy nhiên, để có sự nhận thức thống nhất những vấn đề cụ thể trong các văn bản luật đó nhằm giải thích và áp dụng đúng đắn pháp luật, cần thiết phải có những văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành các văn bản luật đó./.

(1). Luật kinh tế, nay được gọi là luật thương mại. Việc đổi tên luật kinh tế thành luật thương mại được thực hiện vào năm 2003, theo yêu cầu của Hội đồng chương trình khung, Bộ giáo dục và đào tạo. Trong bài viết, các cặp khái niệm: Luật kinh tế - luật thương mại; kinh doanh - thương mại được tác giả quan niệm như những khái niệm có cùng nội hàm.

(2). Xem: Đảng cộng sản Việt Nam (1987), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr. 65.

(3). Xem: Đảng cộng sản Việt Nam (1987), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr. 63.

(4). Xem: Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr. 55.

(5). Xem: Điều 22 và Điều 57 Hiến pháp CHXHCN Việt Nam năm 1992 (sửa đổi năm 2001).

(6). Trong luật thương mại của các nước trên thế giới, hành vi thương mại luôn đóng vai trò là một chế định cơ bản.